

Bản án số: 80/2019/HS-PT

Ngày: 18-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lâm Thanh T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 436/2018/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lâm Thanh T; sinh năm 1985 tại Sóc Trăng; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Ấp 4, xã L1, huyện M1, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Ấp K1, xã L2, thành phố P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Thành Đ, sinh năm 1936 và bà Võ Thị T, sinh năm 1944; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú ngày 04/6/2018. (có mặt)

2. Lê Văn Tr; sinh năm 1988 tại Kiên Giang; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Ấp K2, xã L3, huyện U M2, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp K1, xã L2, thành phố P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1964; gia đình có 04 anh em, bị

cáo là con thứ hai có vợ là Thị Pha L, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú ngày 04/6/2018. (có mặt)

3. Trần Văn Đ; sinh năm 1988 tại Kiên Giang; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Ấp K2, xã L3, huyện M2, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp K3, xã L2, thành phố P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1968; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba có vợ là Huỳnh Út D, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú ngày 04/6/2018. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 02/6/2018, Lâm Thanh T nhận được điện thoại của đối tượng tên B (chưa rõ lai lịch) nói về việc B đang đánh bài thắng thua bằng tiền cùng một số người tại ấp K1, xã L2, thành phố P và bị lừa thua tiền nên nhờ T đến lấy lại tiền cho B, T đồng ý. T gọi điện thoại rủ Lê Văn Tr và Trần Văn Đ (bạn của Tr) cùng T đi lấy lại tiền cho B thì Tr, Đ đồng ý. Tr mang theo 01 con dao Thái lan (dài khoảng 20cm) giấu vào trong áo rồi cùng T đến phòng trọ của Đ tại ấp K3, xã L2, thành phố P. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, cả ba đi bộ đến địa chỉ B đang đánh bài tại phòng trọ số 5, thuộc tổ 7, ấp K1 do anh Trần Minh L, sinh năm 1994 thuê ở trọ. Khi đến T đẩy cửa phòng trọ rồi cùng Tr, Đ đi vào bên trong thì thấy B đang đánh bài với anh Trần Văn Th, sinh năm 1986, ngụ tại ấp K4, xã L3, huyện M4, tỉnh Bạc Liêu cùng 02 đối tượng (không rõ lai lịch). T nói ai đánh bài lừa lấy tiền, thì B chỉ anh Th, lúc này Tr lấy con dao giấu sẵn trong áo ra, chạy lại dùng tay đè anh Th cúi người xuống rồi dùng dao kề vào cổ phía sau gáy anh Th uy hiếp, đồng thời T, Tr, Đ yêu cầu anh Th đưa tiền. Do sợ bị đánh, anh Th đưa cho T số tiền 6.500.000đ, thấy ít nên T tiếp tục yêu cầu anh Th đưa tài sản thì anh Th đưa T 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s, 01 nhẫn đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 3,196 chỉ, 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K, trọng lượng 9,957 chỉ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, nhóm của T thả anh Th ra bà bỏ đi. Số tài sản chiếm đoạt được của anh Th, T chia cho Tr số tiền 3.000.000đ, chia cho Đ số tiền 2.000.000đ và chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1s, còn lại T giữ 1.500.000đ, 01 chiếc nhẫn và vòng đeo tay của anh Th.

Đến ngày 04/6/2018, anh Th đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trình báo sự việc. Cùng ngày T, Tr, Đ đến Công an xã L2 đầu thú, Công an xã L2 đã lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 nhẫn và 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng do Lâm Thanh T giao nộp, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1s do Trần Văn Đ giao nộp là tài sản của anh Trần Văn Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho anh Th.

- 01 con dao Thái lan dài khoảng 20cm Tr sử dụng vào việc phạm tội, Tr khai sau khi thực hiện hành vi phạm tội Tr ném ở vị trí nào không nhớ, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của T, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 của Đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia (không rõ Model) của Tr là phương tiện các bị cáo liên lạc rủ nhau đi cướp tài sản. Quá trình điều tra, T khai đã đưa điện thoại Iphone 6 cho 01 người bạn tên Th (không rõ họ, địa chỉ) đem bán và không rõ bán cho ai; 02 chiếc điện thoại Nokia Tr và Đ khai đã làm mất, do đó Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 245/TCKH-HĐĐG ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s; 01 nhẫn đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 3,196 chỉ; 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K, trọng lượng 9,957 chỉ có tổng giá trị tài sản định giá là 37.569.710đ.

Về dân sự: Người bị hại là anh Trần Văn Th đã nhận lại tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s; 01 chiếc nhẫn và 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng; đối với số tiền 6.500.000đ anh Th không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 436/2018/HSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS 2015 xử phạt các bị cáo: Lâm Thanh T và Lê Văn Tr mỗi bị cáo 08 năm tù, bị cáo Trần Văn Đ 07 năm 06 tháng tù đều về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 04/6/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/11/2018, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm cho rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với các bị cáo là không đúng, vì sau khi vụ án xảy ra, cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả lại cho người bị hại, đây không phải là tiền, tài sản do các bị cáo bồi thường cho người bị hại. Do đó, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ nêu trên đối với các bị cáo là không đúng, đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 02/6/2018, tại phòng trọ số 5 của một người tên Bé (không rõ nhân thân, lai lịch) thuộc tổ 7, ấp K1, xã L2, TP. P. Lâm Thanh T, Lê Văn Tr và Trần Văn Đ đã có hành vi dùng 01 con dao Thái lan (dài khoảng 20cm) đe dọa để chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Th gồm: số tiền 6.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s; 01 nhẫn đeo tay bằng vàng 24K (trọng lượng 3,196 chỉ); 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K (trọng lượng 9,957 chỉ). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 37.569.710 đồng (Theo Kết luận giám định số 245/TCKH-HĐĐG ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P).

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo đã bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm b “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm” khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là những thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng lại lười lao động, rủ rê nhau đi cướp tài sản của người khác để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi đi còn chuẩn bị dao là hung khí nguy hiểm để đe dọa (kê dao vào cổ) người bị hại, thời gian thực hiện hành vi phạm tội là ban ngày (11 giờ trưa) nơi tập trung dân cư. Cho thấy các bị cáo rất liều lĩnh và bất chấp pháp luật. Do đó, cần giành cho các bị cá một mức

hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để xử phạt mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm là phù hợp, không nặng như kháng cáo của các bị cáo nêu, bởi quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức án từ 07 năm đến 15 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm nên không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, tài sản của người bị hại được cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại, số tiền 6.500.000 đồng của người bị hại (không yêu cầu các bị cáo trả lại) đây là tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung công quỹ nhà nước. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo là không đúng quy định. Do đó, Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa lại việc áp dụng điều luật và cần rút kinh nghiệm là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Thanh T, Lê Văn Tr và Trần Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt các bị cáo:

Lâm Thanh T 08 (tám) năm tù.

Lê Văn Tr 08 (tám) năm tù.

Trần Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo đều tính từ ngày 04/6/2018.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Cướp tài sản”.

Về án phí: Mỗi bị cáo T, Tr và Đ phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố P (2);
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương